

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST

Ngày 13-8-2025

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Văn

Ông Dương Quốc Phòng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Nga – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Đức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 64/2025/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2025 về việc “*Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31c/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần C, sinh năm: 1965; số định danh cá nhân: 044165001770.

Nơi cư trú: Tổ 6, Ấp Bàu Sen, xã C, Thành phố H, đt: 0973.969588; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn T, sinh năm: 1961; số định danh cá nhân: 044061003657.

Nơi cư trú: Số nhà 60, đường Hai Bà Trưng, phường Đ, tỉnh Q, 077.3395240; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 16 tháng 6 năm 2025 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần C trình bày:

- *Về hôn nhân*: Bà và ông Nguyễn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 25/7/1988 tại UBND phường Đồng Phú, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình (nay là phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị). Sau khi kết hôn, vợ chồng chỉ sống chung với nhau được 03 tháng, đến tháng 11/1988 thì ông Thành đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài (Nga) và từ đó cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân 37 năm. Hiện nay bà Chung và ông Thành đều đã có cuộc sống riêng ổn định, bà Chung sống ở Thành phố Hồ Chí Minh còn ông Thành sống ở Quảng Trị. Vợ chồng không còn tình cảm nên bà Chung có yêu cầu ly hôn.

- *Về con chung*: Bà Chung trình bày bà và ông Thành có 01 con chung tên Nguyễn Huy Trung, sinh ngày 16/3/1989. Khi bà mang thai được 03 tháng thì ông Thành đi xuất khẩu lao động. Sau khi sinh con, một mình bà với sự hỗ trợ từ gia đình ngoại đã nuôi con chung khôn lớn, trưởng thành đến nay con đã lập gia đình riêng. Ông Thành không có sự quan tâm về tình cảm hay chu cấp về kinh tế cho vợ con kể từ thời gian ông thành đi Nga cho đến hiện tại.

- *Về tài sản chung*: Vợ chồng chỉ có thời gian sống chung là 03 tháng, không có tài sản chung gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại bản tự khai đề ngày 19/6/2025 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn T trình bày*:

- *Về hôn nhân*: Về quá trình kết hôn và sống chung của vợ chồng thực tế đúng như bà Chung trình bày. Ông và bà Chung kết hôn tháng 7/1988 đến tháng 11/1988 ông đi xuất khẩu lao động tại Nga và vợ chồng không sống chung từ đó cho đến nay. Nay vợ chồng không còn tình cảm nhưng ông chỉ đồng ý ly hôn khi giữa ông và bà Chung giải quyết xong việc phân chia tài sản chung.

- *Về con chung*: Ông và bà Chung có 01 con chung tên Nguyễn Huy Trung, sinh ngày 16/3/1989, hiện đã trưởng thành và đã có gia đình. Quá trình vợ chồng không sống chung, ông Thành không có điều kiện trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung nhưng gia đình bên nội vẫn có sự quan tâm, hỗ trợ bà Chung nuôi cháu Trung ăn học.

- *Về tài sản chung*:

Ngày 10/7/2025, bị đơn ông Nguyễn T có yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung của vợ chồng là một thửa đất có diện tích khoảng 1.500 m² đất và 01 ngôi nhà cấp 4 tại thôn 6, xã Lộc Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình (nay là phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị). Ông Thành trình bày đất là do HTX Lộc Ninh cấp cho hộ ông Thành, bà Chung vào năm 1989 còn ngôi nhà cấp 4 là do gia đình hai bên nội, ngoại đóng góp, xây dựng nên. Từ khi bà Chung vào sống ở miền Nam từ năm 1993 đến nay thì nhà, đất này bỏ hoang, không ai quản lý, sử dụng.

Tòa án đã thụ lý yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung nói trên theo yêu cầu

của bị đơn. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã có văn bản yêu cầu bị đơn ông Nguyễn T cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh về tài sản chung ông có yêu cầu phân chia nhưng ông Thành không cung cấp.

Bà Trần C không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của ông Thành vì cho rằng vợ chồng không có tài sản chung, trường hợp ông Thành cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh vợ chồng có tài sản chung như ông Thành trình bày thì bà đồng ý phân chia.

Theo yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ, ngày 21/7/2025 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Khu vực VI Quảng Trị có Công văn số 12/CNVPĐĐ trả lời Tòa án với nội dung: Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Khu vực VI Quảng Trị không tìm thấy hồ sơ lưu trữ về đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của ông Nguyễn T và bà Trần C.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần, tạo điều kiện cho các đương sự thỏa thuận với nhau về các vấn đề có tranh chấp trong vụ án nhưng không có kết quả. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Chung giữ nguyên yêu cầu ly hôn ông Thành, không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của ông Thành vì cho rằng vợ chồng không có tài sản chung.

Bị đơn ông Thành thừa nhận vợ chồng không sống chung trong thời gian 37 năm qua, hiện không còn tình cảm nhưng chỉ đồng ý ly hôn khi giải quyết xong vấn đề tài sản. Ông Thành giữ nguyên yêu cầu phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là nhà, đất tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (trước đây là xã Lộc Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình) nhưng vẫn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực I, tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ việc nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 33, 59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Chung, xử cho

bà Chung được ly hôn ông Thành.

+ *Về tài sản chung*: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thành về chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân với bà Chung.

+ *Về án phí*: Các đương sự không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Trần C có yêu cầu khởi kiện về ly hôn với ông Nguyễn T. Hội đồng xét xử xác định là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn T có nơi cư trú tại phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần C và ông Nguyễn T có quá trình tìm hiểu nhau tự nguyện và đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 25 tháng 7 năm 1988 tại Ủy ban nhân dân phường Đồng Phú, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình (nay là phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị). Xét việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân giữa bà Chung và ông Thành là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ và tại phiên tòa cả bà Chung và ông Thành đều thống nhất xác nhận sau khi kết hôn vợ chồng chỉ sống chung với nhau trong thời gian 03 tháng, sau đó thì ông Thành đi xuất khẩu lao động tại Nga, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên từ tháng 11 năm 1988 đến nay vợ chồng không sống chung, cả hai đều xác định hiện tại vợ chồng không còn tình cảm. Đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi kết hôn, do điều kiện công việc ông Thành đi xuất khẩu lao động tại Nga, vợ chồng phải sống xa cách về địa lý. Tuy nhiên, do phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng cắt liên lạc, không có sự thăm hỏi, động viên,

chia sẻ cùng nhau trong suốt hơn 30 năm qua. Nay, cả ông Thành và bà Chung đều xác định không còn tình cảm vì trên thực tế cuộc sống chung của vợ chồng đã không tồn tại trong một thời gian dài, mỗi người hiện đã có cuộc sống riêng ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông Thành và bà Chung là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không tồn tại, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Chung, xử cho bà Chung được ly hôn ông Thành là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Bà Trần C và ông Nguyễn T đều thống nhất xác nhận vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Huy Trung, sinh ngày 16/3/1989. Hiện con chung của ông, bà đã trưởng thành và sống tự lập. Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung:

Xét yêu cầu khởi kiện của bị đơn ông Nguyễn T về chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là nhà, đất tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (trước đây là xã Lộc Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình), Hội đồng xét xử xét thấy quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Thành không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh vợ chồng có tài sản chung như ông có yêu cầu phân chia. Nguyên đơn bà Chung không thừa nhận vợ chồng có tài sản chung, Tòa án cũng đã tiến hành thu thập thông tin về đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của ông Thành, bà Chung tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Khu vực VI Quảng Trị và được cơ quan này trả lời là không tìm thấy thông tin. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T về chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân với bà Trần C trong vụ án này là phù hợp với quy định về căn cứ xác lập quyền sở hữu tại Điều 221 Bộ luật dân sự và tài sản chung của vợ chồng tại Điều 33 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn bà Trần C, bị đơn ông Nguyễn T là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Áp dụng Điều 221 Bộ luật dân sự;

Áp dụng các điều 33, 51, 53 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 12 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần C, xử cho bà Trần C được ly hôn ông Nguyễn T.

- Về quan hệ con chung: Xác định bà Trần C và ông Nguyễn T có 01 người con chung tên Nguyễn Huy Trung, sinh ngày 16/3/1989, hiện con chung đã thành niên, đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về quan hệ tài sản chung: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T về việc chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân là nhà, đất tại phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Trần C, bị đơn ông Nguyễn T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần C, bị đơn ông Nguyễn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 13/8/2025).

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND, THADS Khu vực 1-QT;
- UBND, Công an phường Đồng Hới, tỉnh QT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Mai Thị Mỹ Hạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**Các Hội thẩm nhân dân****Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND, THADS Khu vực 1-QT;
- UBND, Công an phường Đồng Sơn, tỉnh QT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN**Mai Thị Mỹ Hạnh**

Trần Xuân Văn Lê Thị Thuý Mai

Mai Thị Mỹ Hạnh